

*Long Biên, ngày 20 tháng 5 năm 2022*

Số: **53/2022/QĐST-DS**

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thỏa Tận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 134/2020/TLST- DS ngày 05 tháng 11 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa Tận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa Tận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa Tận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa Tận của các đương sự:**

**Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP ĐC Việt Nam.**

Địa chỉ: Số 22 NQ, phường TT, quận HK, TP Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Hoàng Q – Cán bộ xử lý nợ.

(Theo Giấy ủy quyền số: 2135/2020/UQ-PVB ngày 27/02/2020).

**Bị đơn: 1. Ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1960**

**2. Bà Phạm Minh T, sinh năm 1962**

HKTT: Số 24 NT, phường NTT, quận BD, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Số 34 NL, tổ 1, phường NL, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

**Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**1. Ông Phạm N, sinh năm 1923.**

**2. Bà Phạm Minh H, sinh năm 1963**

**3. Chị Phạm Thu T, sinh năm 1987**

**4. Anh Trần Tăng C, sinh năm 1982**

**5. Anh Phạm Đức D, sinh năm 1991**

**6. Chị Âu Thùy D, sinh năm 1991**

**7. Cháu Trần Ngọc B, sinh năm 2012**

**8. Cháu Trần Tuệ L, sinh năm 2016**

**Người đại diện theo pháp luật của cháu B và cháu L là anh C, chị T.**

**9. Cháu Phạm Duy A, sinh năm 2011**

**10. Cháu Phạm Duy K, sinh năm 2019**

**Người đại diện theo pháp luật của cháu A và cháu K là anh D, chị D.**

Đều cư trú tại: Số 34 NL, phường NL, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

**2. Sự thỏa Tận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về quan hệ tín dụng:**

Ông Phạm Minh Đ và bà Phạm Minh T đã ký 02 (hai) Hợp đồng tín dụng với PVcomBank, cụ thể như sau:

- Ngày 07/09/2015, Ngân hàng TMCP ĐC Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (PVcomBank) và ông Phạm Minh Đ và bà Phạm Minh T đã ký kết Hợp đồng cho vay số 202/2015/HĐTD/PVB-HN (sau đây viết tắt là “Hợp đồng tín dụng”), với số tiền vay: 1.000.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Một tỷ đồng*). Thời hạn vay, mục đích thanh toán, lãi suất như trong hợp đồng.

- Ngày 28/06/2016, Ngân hàng TMCP ĐC Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (PVcomBank) và ông Phạm Minh Đ và bà Phạm Minh T đã ký kết Hợp đồng cho vay số 28061/2016/HĐTD/PVB-HN (sau đây viết tắt là “Hợp đồng tín dụng”), với số tiền vay: 420.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi triệu đồng*). Thời hạn vay, mục đích thanh toán, lãi suất như trong hợp đồng.

Căn cứ theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 202/2015/HĐBĐ/PVB-HN, tài sản bảo đảm cho khoản vay là Quyền sử dụng đất số AL 073478, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: Số GCN: 1039/2007-1970/2007/QĐ-UB QĐUB; MS: 10127653041 do UBND quận Long Biên, TP Hà Nội cấp ngày 27/09/2007 cho ông Vũ Quốc Anh và bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang và được sang tên tại phòng Đăng ký đất và nhà quận Long Biên, TP Hà Nội ngày 19/08/2009 cho ông Phạm Minh Đ và bà Phạm Minh T, cụ thể như sau: Thửa đất số: 240-1; Tờ bản đồ số: 330-6; Địa chỉ thửa đất: Số 34 NL, Phường NL – Quận Long Biên. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp theo Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh Long biên ngày 07/09/2015. Hiện trạng nhà đất theo Sơ đồ hiện trạng do Công ty cổ phần địa chính Thăng Long đo vẽ ngày 07/01/2021, các đương sự đều nhất trí với sơ đồ đo vẽ.

Xác nhận tính đến ngày 09/5/2022, Ông Phạm Minh Đ và bà Phạm Minh T nợ Ngân hàng TMCP ĐC Việt Nam (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) tổng số tiền là: **1.464.239.731 đồng** (*Một tỷ bốn trăm sáu bốn triệu hai trăm ba chín nghìn bảy trăm ba một đồng*). Trong đó, dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 202/2015/HĐTD/PVB-HN là 1.181.707.113 đồng (Nợ gốc: 761.473.695 đồng, nợ lãi trong hạn: 261.803.593 đồng, lãi quá hạn: 158.429.825 đồng) và dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 28061/2016/HĐTD/PVB-HN 282.532.618 đồng (Nợ gốc:

205.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 40.046.950 đồng, lãi quá hạn: 37.485.668 đồng).

**2.2. Về thời hạn và phương án trả nợ:** Các đương sự thống nhất phương án trả nợ như sau:

- Chậm nhất ngày 31/8/2022, bị đơn - ông Đ và bà T thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi theo hai Hợp đồng tín dụng nêu trên cho Ngân hàng.

- Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ như đã thỏa Tận nêu trên cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng Thửa đất số: 240-1; Tờ bản đồ số: 330-6; Địa chỉ thửa đất: Số 34 NL, phường NL, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; Diện tích: 44,3m<sup>2</sup> (*Bằng chữ: Bốn mươi bốn phẩy ba mét vuông*); Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng: 44m<sup>2</sup> (*Bằng chữ: Bốn mươi bốn mét vuông*); Sử dụng chung: 0,3m<sup>2</sup> (*Bằng chữ: Không phẩy ba mét vuông*), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 073478, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: Số GCN: 1039/2007-1970/2007/QĐ-UB QĐUB; MS: 10127653041 do UBND quận Long Biên, TP Hà Nội cấp ngày 27/09/2007 cho ông Vũ Quốc Anh và bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang và được sang tên tại phòng Đăng ký đất và nhà quận Long Biên, TP Hà Nội ngày 19/08/2009 cho ông Phạm Minh Đ và bà Phạm Minh T, đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh Long biên ngày 07/09/2015 và toàn bộ các tài sản trên đất theo hiện trạng để T hồi nợ. Hiện trạng nhà đất theo Sơ đồ hiện trạng do Công ty cổ phần địa chính Thăng Long đo vẽ ngày 07/01/2021.

- Bị đơn tiếp tục phải chịu lãi suất đối với khoản tiền gốc chưa thanh toán theo đúng thỏa Tận trong các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 10/5/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

- Nếu số tiền T được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của ông Phạm Minh Đ và bà Phạm Minh T tại Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác và nguồn T hợp pháp của ông Phạm Minh Đ và bà Phạm Minh T để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ của ông Phạm Minh Đ và bà Phạm Minh T tại Ngân hàng.

**2.3. Về án phí:** Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Minh Đ và bà Phạm Minh T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: **27.963.500 đồng** (*Hai mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng*). Chia theo phần, bà T phải chịu **13.981.750 đồng** (*Mười ba triệu chín trăm tám mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) án phí DSST, ông Đ được miễn một phần án phí nên phải chịu **6.990.875 đồng** (*Sáu triệu chín trăm chín mươi nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*) tiền án phí DSST.

- Trả lại Ngân hàng TMCP ĐC Việt Nam **24.360.000 đồng** (*Hai mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên theo biên lai số 0017168 ngày 21/10/2020.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND quận Long Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

***Lê Thị Thanh Loan***